

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Chi phí sửa chữa lớn. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Áp dụng trong kỳ này</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc ^(*)	25 năm
Máy móc và thiết bị ^(**)	05 – 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

^(*) Thời gian khấu hao của Nhà cửa, vật kiến trúc là các nhà máy thủy điện được thay đổi từ các mức 13 đến 40 năm (áp dụng từ năm 2016 trở về trước) sang 25 năm (áp dụng từ năm 2017).

^(**) Thời gian khấu hao của Máy móc và thiết bị là Thiết bị nhà máy Nậm Ngần được thay đổi từ 20 năm (áp dụng từ năm 2016 trở về trước) sang 15 năm (áp dụng từ năm 2017).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104800361 cấp đổi lần thứ 2 ngày 29 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô 30.000.000.000 VND, tương đương 72,86% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 30.000.000.000 VND, tương đương 75,7% vốn điều lệ (không thay đổi so với đầu năm).

Trong năm, Công ty đã bán 200.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán ATEX với giá bán là 2.115.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không còn nắm giữ cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán ATEX.

Giá trị hợp lý:

Công ty thừa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có bằng chứng cụ thể về việc định giá trị hợp lý.

Tên hoặc họ và tên của Công ty con:

Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô trong năm chưa phải sinh doanh thu bất bình hòa, do: (không áp dụng)

Đầu phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Theo hình thức đang áp dụng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm 2017	Năm trước
Đầu tư góp vốn	5.625.081.479	14.389.852
Trên tập đoàn phòng hộ rừng	177.687.134	1.340.587.612
Đầu tư khác	5.447.394.345	5.025.081.479

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	170.403.251	812.581.547
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.003.871.987	340.483.921
Các khoản tương đương tiền	15.368.000.000	5.500.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	15.368.000.000	5.500.000.000
Cộng	16.542.275.238	6.653.065.468

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	30.600.000.000	(5.802.690.624)	30.600.000.000	(5.625.083.470)
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô ⁽ⁱ⁾	30.600.000.000	(5.802.690.624)	30.600.000.000	(5.625.083.470)
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>			2.000.000.000	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex ⁽ⁱⁱ⁾			2.000.000.000	
Cộng	30.600.000.000	(5.802.690.624)	32.600.000.000	(5.625.083.470)

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104800561 thay đổi lần thứ 2 ngày 29 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô 30.600.000.000 VND, tương đương 72,86% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 30.600.000.000 VND, tương đương 75,9% vốn điều lệ (không thay đổi so với đầu năm).

⁽ⁱⁱ⁾ Trong năm, Công ty đã bán 200.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex với giá bán là 4.115.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không còn nắm giữ cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của Công ty con

Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô trong năm chưa phát sinh doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.625.083.470	(64.385.852)
Trích lập dự phòng bổ sung	177.607.154	5.560.697.618
Số cuối năm	5.802.690.624	5.625.083.470

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>		
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô</i>				
Chi phí lãi vay phải trả	341.859.988	184.940.584		
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Là khoản phải thu Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc.				
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>1.115.669.300</i>	<i>1.493.821.450</i>		
Công ty TNHH Nam Anh	387.353.950	387.353.950		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Nguyên Việt	787.600.000	782.699.000		
Công ty TNHH Thiết bị điện Á Châu		782.699.000		
Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thông tin		164.890.000		
Các nhà cung cấp khác	70.000.000	158.878.500		
Cộng	1.115.669.300	1.493.821.450		
5. Phải thu ngắn hạn khác				
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>286.487.582</i>		<i>340.956.602</i>	
Tạm ứng	151.623.348		197.801.278	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	134.864.234		143.155.324	
Cộng	286.487.582		340.956.602	
6. Hàng tồn kho				
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.709.818.187		1.151.018.500	
Cộng	1.709.818.187		1.151.018.500	
7. Chi phí trả trước dài hạn				
Là chi phí sửa chữa TSCĐ còn phải phân bổ.				

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	522.774.591.836	182.028.016.968	1.814.781.143	57.545.455	706.674.935.402
Mua trong năm		1.499.000.000	1.319.890.909		2.818.890.909
Số cuối năm	522.774.591.836	183.527.016.968	3.134.672.052	57.545.455	709.493.826.311
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		773.714.881	1.814.781.143	57.545.455	2.646.041.479
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	177.140.672.987	88.412.844.606	1.757.238.553	57.545.455	267.368.301.601
Khấu hao trong năm	20.323.447.576	18.316.609.672	112.538.046		38.752.595.294
Phân loại chi phí khấu hao	471.347.253	(471.347.253)			
Số cuối năm	197.935.467.816	106.258.107.025	1.869.776.599	57.545.455	306.120.896.895
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	345.633.918.849	93.615.172.362	57.542.590		439.306.633.801
Số cuối năm	324.839.124.020	77.268.909.943	1.264.895.453		403.372.929.416

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 402.004.044.239 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đầu năm là của Dự án Thủy điện Sông Chày, trong năm đã được kết chuyển vào chi phí do dự án hết hạn.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>806.718.402</i>	<i>335.139.957</i>
Công ty Cổ phần Công nghệ năng lượng Việt Nam	190.858.267	190.858.267
Công ty Lưới điện cao thế miền Bắc	181.097.630	35.000.000
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	146.269.222	
Công ty Cổ phần Chế tạo biến thế - Thiết bị điện Đông Anh	102.960.000	
Các nhà cung cấp khác	185.533.283	109.281.690
Cộng	806.718.402	335.139.957

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	991.166.633		13.989.415.742	(16.131.674.128)		1.151.091.753
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			194.028.800	(194.028.800)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	934.369.318		4.538.714.173	(2.442.640.129)	3.030.443.362	
Thuế thu nhập cá nhân	39.367.550		383.184.855	(388.626.062)	33.926.343	
Thuế tài nguyên	476.754.804		13.211.077.632	(13.238.636.894)	449.195.542	
Các loại thuế khác			3.000.000	(3.000.000)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.770.000		574.841.002	(31.734.345)	544.876.657	
Cộng	2.443.428.305		32.894.262.204	(32.430.340.358)	4.058.441.904	1.151.091.753

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp**Nhà máy Thủy điện Nậm Mu**

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4211/BKH-PTDN ngày 11 tháng 7 năm 2003 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Luật thuế TNDN hiện hành, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động Nhà máy Thủy điện Nậm Mu với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2004 đến năm 2018), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2004 đến năm 2007) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2016).

Nhà máy Thủy điện Nậm Ngân

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 10211000002 ngày 27 tháng 02 năm 2017 do UBND tỉnh Hà Giang cấp và Luật thuế TNDN hiện hành, Nhà máy thủy điện Nậm Ngân được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập dự án (từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2013 đến năm 2019).

Nhà máy Thủy điện Nậm An

Nhà máy Thủy điện Nậm An là Dự án đầu tư mở rộng, không được hưởng ưu đãi thuế TNDN. Thu nhập từ các hoạt động của Nhà máy Thủy điện Nậm An phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các hoạt động khác

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.275.154.642	32.340.297.705
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.482.389.890	3.802.103.348
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.858.615.735	4.625.033.719
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	2.858.615.735	4.625.033.719
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(1.376.225.845)</u>	<u>(822.930.371)</u>
Thu nhập chịu thuế	42.757.544.532	36.142.401.053
Thu nhập tính thuế	<u>42.757.544.532</u>	<u>36.142.401.053</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	8.551.508.906	7.228.480.211
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(3.259.119.441)</i>	<i>(2.517.847.381)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>	<i><u>(805.135.012)</u></i>	<i><u>(2.381.652.210)</u></i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.487.254.453	2.328.980.620
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước</i>	<i>51.459.720</i>	<i>45.704.824</i>
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>4.538.714.173</u>	<u>2.374.685.444</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Theo Quyết định 567/QĐ-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2015, Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức 5% x 1622,01đ/1 kWh.

Theo Quyết định 6228/EVN-TCKT ngày 29 tháng 12 năm 2017, Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức 5% x 1720,65đ/1kWh, áp dụng từ kỳ khai thuế tháng 12 năm 2017.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.451.064.846</i>	<i>1.814.208.503</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô - Lãi vay phải trả	1.451.064.846	1.814.208.503
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>1.479.001.151</i>	<i>1.849.871.042</i>
Kinh phí công đoàn	38.540.410	452.385
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	154.214.695	119.870.260
Quỹ bảo vệ môi trường rừng - Tỉnh Hà Giang	835.939.296	555.597.940
Lãi vay phải trả		577.226.589
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	450.306.750	596.723.868
Cộng	<u>2.930.065.997</u>	<u>3.664.079.545</u>

14. Vay ngắn hạn/dài hạn**14a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>4.816.813.917</i>	<i>4.816.813.917</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô ⁽ⁱ⁾	4.816.813.917	4.816.813.917
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>45.277.540.000</i>	<i>37.260.000.000</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.14b)	45.277.540.000	37.260.000.000
Cộng	<u>50.094.353.917</u>	<u>42.076.813.917</u>

⁽ⁱ⁾ Vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô theo Hợp đồng vay vốn số 01.NM.TD/14/NT ngày 01/01/2014 và phụ lục 04 ngày 01/01/2017, thời hạn vay 12 tháng với lãi suất 7%/năm.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	4.816.813.917			4.816.813.917
Vay dài hạn đến hạn trả	37.260.000.000	51.851.310.000	(43.833.770.000)	45.277.540.000
Cộng	<u>42.076.813.917</u>	<u>51.851.310.000</u>	<u>(43.833.770.000)</u>	<u>50.094.353.917</u>

14b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Bảo Việt ⁽ⁱ⁾	42.068.851.691	65.470.161.691
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	71.782.469.000	100.232.469.000
Cộng	<u>113.851.320.691</u>	<u>165.702.630.691</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng 109/2011.HD/TD-DN ngày 07/04/2011 để đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Nậm An, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay và thay đổi lãi suất theo quy định của Ngân hàng TMCP Bảo Việt tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất, công trình xây dựng và máy móc thiết bị của Thủy điện Nậm An (xem thuyết minh số V.8).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang theo hợp đồng tín dụng số 01/2015-HDDTDDA/NHCT195-NAMMU ngày 30/06/2015 để Tái tài trợ khoản vay dài hạn của công ty tại các tổ chức tín dụng để đầu tư các dự án thủy điện Nậm Mu, Nậm Ngần, thời hạn vay 70 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay của nhà máy Thủy điện Nậm Mu, nhà máy thủy điện Nậm Ngần và Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện của nhà máy Thủy điện Nậm Mu, Nậm Ngần (xem thuyết minh số V.8).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	45.277.540.000	37.260.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	113.851.320.691	165.702.630.691
Trên 5 năm		
Cộng	<u>159.128.860.691</u>	<u>202.962.630.691</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	165.702.630.691
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	<u>(51.851.310.000)</u>
Số cuối năm	<u>113.851.320.691</u>

14c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	566.546.678	481.579.833	(639.500.000)	408.626.511
Quỹ phúc lợi	44.865.695	481.579.833	(505.733.220)	20.712.308
Cộng	<u>611.412.373</u>	<u>963.159.666</u>	<u>(1.145.233.220)</u>	<u>429.338.819</u>

16. Phân phối lợi nhuận

Được Ủy ban Công ty đề nghị phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 1/2017-HĐQT/CTD ngày 24 tháng 1 năm 2017 như sau:

Tổng số lợi nhuận sau thuế	23.946.840.108
- Chia và trả cho các tổ chức	963.159.666
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	963.159.666

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số đầu năm trước	209.999.000.000	(468.780.000)	27.009.474.726	35.781.139.687	32.678.666	272.353.513.079
Lợi nhuận trong năm trước				29.965.612.261		29.965.612.261
Trích lập các quỹ			5.125.733.727	(6.727.525.517)		(1.601.791.790)
Chia cổ tức				(25.199.880.000)		(25.199.880.000)
Số dư cuối năm trước	209.999.000.000	(468.780.000)	32.135.208.453	33.819.346.431	32.678.666	275.517.453.550
Số dư đầu năm nay	209.999.000.000	(468.780.000)	32.135.208.453	33.819.346.431	32.678.666	275.517.453.550
Lợi nhuận trong năm nay				36.736.440.469		36.736.440.469
Trích lập các quỹ				(963.159.666)		(963.159.666)
Chia cổ tức				(23.099.890.000)		(23.099.890.000)
Số dư cuối năm nay	209.999.000.000	(468.780.000)	32.135.208.453	46.492.737.234	32.678.666	288.190.844.353

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	107.100.000.000	107.100.000.000
Tổng Công ty Bảo Việt nhân thọ	600.000	49.220.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	34.096.000.000	10.217.000.000
Các cổ đông khác	68.802.400.000	43.461.400.000
Cộng	209.999.000.000	209.999.000.000

16c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.999.900	20.999.900

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01BB/DHDCD/17 ngày 26 tháng 4 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 23.099.890.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 963.159.666

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán*Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	56,64	73,14
Euro (EUR)	44,77	61,27

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***1a. Tổng doanh thu*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện thành phẩm	166.451.670.859	159.799.585.665
Doanh thu cung cấp dịch vụ	252.000.000	61.000.000
Doanh thu hợp đồng xây dựng		229.430.620
Cộng	<u>166.703.670.859</u>	<u>160.090.016.285</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của điện thành phẩm đã bán	99.572.006.341	91.799.784.680
Giá vốn của hợp đồng xây dựng		263.357.947
Cộng	<u>99.572.006.341</u>	<u>92.063.142.627</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	826.010.424	243.966.249
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	2.115.000.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	108.764	84.750
Cộng	<u>2.941.119.188</u>	<u>244.050.999</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	19.032.226.266	21.970.445.801
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.647.400	
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.263	
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	177.607.154	5.560.697.618
Chi phí tài chính khác	6.172.500	214.558
Cộng	<u>19.218.658.583</u>	<u>27.531.357.977</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.824.241.853	4.769.364.590
Chi phí vật liệu quản lý	608.656.113	644.401.764
Chi phí đồ dùng văn phòng	137.781.962	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.538.046	67.569.202
Thuế, phí và lệ phí	3.397.898	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	388.900.566	365.481.294
Các chi phí khác	1.832.916.875	2.063.409.273
Cộng	7.908.433.313	7.913.226.123

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dự án Thủy điện Sông Chày	1.662.536.485	
Khấu hao các TSCĐ không sử dụng	22.662.504	22.662.504
Tiền thuế chậm nộp	29.584.446	348.682.272
Phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	4.366.819	7.889.565
Chi phí khác	18.000	154.214.366
Cộng	1.720.148.676	533.448.707

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.564.307.572	6.135.215.352
Chi phí nhân công	19.008.965.407	18.333.021.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.729.932.790	38.003.637.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.023.381.837	19.801.712.367
Chi phí khác	18.153.852.048	17.439.423.407
Cộng	107.480.439.654	99.713.010.803

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi trả cổ tức	205.614.200	224.306.400

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương, thù lao với tổng tiền lương, thù lao trong năm là 1.644.541.000 VND (năm trước là 2.158.634.000 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Sông Đà 9 là công ty mẹ.

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.13 và V.14.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm, diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số IV.8). Ban Giám đốc Công ty tin rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao năm nay giảm 518.059.550 VND.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Ngọc Anh

Nguyễn Thanh Lệ

Đỗ Văn Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NĂM MÙ

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 1:**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC NHÀ MÁY**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND			Hoạt động khác	Tổng cộng
	Năm Mù	Năm Ngân	Năm An		
1. Tổng doanh thu	70.659.030.891	69.666.089.844	27.254.280.820	2.115.000.000	169.694.401.555
2. Tổng chi phí	38.953.316.895	54.131.928.765	35.334.001.253	-	128.419.246.913
Trong đó: chi phí khấu hao	8.275.214.504	20.699.327.745	9.642.852.495	-	38.617.394.744
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.705.713.996	15.534.161.079	(8.079.720.433)	2.115.000.000	41.275.154.642
4. Nguyên giá TSCD Nhà máy	194.443.833.530	325.996.639.261	186.901.372.611	-	707.341.845.402

Người lập biểu

Trần Ngọc Anh



Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Lê

Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2018

Giám đốc



Đỗ Văn Hà